

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG NĂM 2023**

Phòng thi số 01; Vị trí dự thi: Chuyên viên Pháp chế

Địa điểm: Phòng T203 nhà B2 - Trung tâm Công nghệ Thông tin - Học viện Ngân hàng

Thời gian: Ca thi 1, từ 07h30 - 09h30 ngày 30/11/2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	PC1001	Hoàng Thị An		14-12-1990	CV Pháp chế			
2	PC1002	Trần Thùy An		23-02-2001	CV Pháp chế			
3	PC1003	Trần Trọng An	17-10-2000		CV Pháp chế			
4	PC1004	Bùi Tú Anh		01-09-1997	CV Pháp chế	Học Thạc sĩ tại nước ngoài		
5	PC1005	Đinh Thế Anh	17-09-1999		CV Pháp chế			
6	PC1006	Đỗ Hải Anh		16-03-1999	CV Pháp chế			
7	PC1007	Hoàng Thị Trâm Anh		02-12-1998	CV Pháp chế	Bằng Ths do CSED nước ngoài cấp		
8	PC1008	Lại Minh Anh		02-02-1998	CV Pháp chế		Con TB	
9	PC1009	Lê Mai Anh		03-06-2001	CV Pháp chế			
10	PC1010	Nguyễn Ngọc Anh		23-11-1995	CV Pháp chế			
11	PC1011	Nguyễn Quỳnh Anh		01-11-2000	CV Pháp chế			
12	PC1012	Nguyễn Thị Anh		24-07-1997	CV Pháp chế			
13	PC1013	Nguyễn Thị Vân Anh		03-08-1998	CV Pháp chế			
14	PC1014	Nguyễn Văn Anh		06-01-1999	CV Pháp chế			
15	PC1015	Tô Thị Mai Anh		29-12-2000	CV Pháp chế			
16	PC1016	Trần Đức Anh	12-10-2001		CV Pháp chế			
17	PC1017	Trịnh Hải Anh		25-08-2001	CV Pháp chế			
18	PC1018	Vũ Quỳnh Anh		03-10-2000	CV Pháp chế			

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
19	PC1019	Đàm Thị Ngọc Ánh		30-11-1999	CV Pháp chế		DT Nùng	
20	PC1020	Lê Thị Ngọc Ánh		09-05-2000	CV Pháp chế			
21	PC1021	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		22-07-1999	CV Pháp chế			
22	PC1022	Phạm Minh Châu		24-03-1997	CV Pháp chế			
23	PC1023	Trần Hoàng Minh Châu		13-09-1999	CV Pháp chế			
24	PC1024	Lê Linh Chi		07-05-1999	CV Pháp chế			
25	PC1025	Nguyễn Hà Chi		17-10-1999	CV Pháp chế			
26	PC1026	Nguyễn Phương Chi		20-12-2001	CV Pháp chế			
27	PC1027	Nguyễn Thị Thuý Chi		08-09-2001	CV Pháp chế			
28	PC1028	Nguyễn Trần Khánh Chi		29-09-2001	CV Pháp chế			
29	PC1029	Trần Phương Chi		26-11-1996	CV Pháp chế			
30	PC1030	Ngô Thị Hải Chiến		01-11-1990	CV Pháp chế		Con người nhiễm CDHH	
31	PC1031	Nguyễn Thị Xuân Cúc		05-10-2001	CV Pháp chế			
32	PC1032	Đỗ Văn Cường	03-10-2000		CV Pháp chế			
33	PC1033	Hoàng Mạnh Cường	04-10-2001		CV Pháp chế			
34	PC1034	Phạm Tuấn Cường	13-07-1995		CV Pháp chế			
35	PC1035	Vũ Mạnh Cường	16-07-1999		CV Pháp chế			
36	PC1036	Vàng A Dạ Dạ	03-11-2001		CV Pháp chế		DT Mông	
37	PC1037	Trần Tiến Đạt	08-07-1999		CV Pháp chế			
38	PC1038	Đỗ Thị Diễm		29-01-1996	CV Pháp chế			
39	PC1039	Ngô Thị Diễm		02-02-2001	CV Pháp chế			
40	PC1040	Nguyễn Hoàng Ngọc Diệp		29-03-1998	CV Pháp chế			



Handwritten signature or mark.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỒ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG NĂM 2023**

Phòng thi số 02; Vị trí dự thi: Chuyên viên Pháp chế

Địa điểm: Phòng T303 nhà B2 - Trung tâm Công nghệ Thông tin - Học viện Ngân hàng

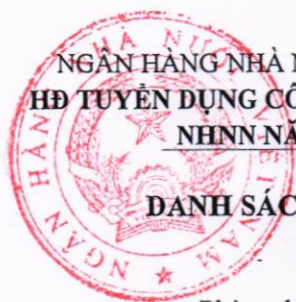
Thời gian: Ca thi 1, từ 07h30 - 09h30 ngày 30/11/2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	PC1041	Ngô Huỳnh Đức	30-11-1996		CV Pháp chế			
2	PC1042	Cao Hạnh Dung		27-08-1999	CV Pháp chế			
3	PC1043	Nguyễn Thị Thuý Dung		11-09-2000	CV Pháp chế			
4	PC1044	Phạm Thị Thuý Dung		16-10-2001	CV Pháp chế			
5	PC1045	Trần Thị Thùy Dung		18-12-1994	CV Pháp chế	Học Thạc sĩ tại Nga	Con TB 4/4	
6	PC1046	Hoàng Dũng	29-05-1999		CV Pháp chế			
7	PC1047	Lê Hải Dương	23-12-2001		CV Pháp chế			
8	PC1048	Nguyễn Ngọc Thùy Dương		19-03-1998	CV Pháp chế		Con TB	
9	PC1049	Nguyễn Thùy Dương		09-12-2001	CV Pháp chế			
10	PC1050	Trần Đình Duy	23-11-2001		CV Pháp chế			
11	PC1051	Cao Lam Giang		30-12-2000	CV Pháp chế			
12	PC1052	Lò Thị Hương Giang		01-08-1998	CV Pháp chế		DT Thái	
13	PC1053	Nguyễn Thị Giang		16-08-1990	CV Pháp chế			
14	PC1054	Nguyễn Thị Hương Giang		18-11-2001	CV Pháp chế			
15	PC1055	Nguyễn Thu Giang		08-12-2000	CV Pháp chế			
16	PC1056	Phạm Thu Giang		06-12-1999	CV Pháp chế			
17	PC1057	Trần Hương Giang		09-05-2000	CV Pháp chế			
18	PC1058	Triệu Quỳnh Giao		24-10-2000	CV Pháp chế		DT Tây	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
19	PC1059	Diệp Thị Mỹ Hà		04-03-1998	CV Pháp chế		DT Sản Dìu	
20	PC1060	Nguyễn Lê Hà		14-06-2001	CV Pháp chế			
21	PC1061	Phan Thị Mỹ Hà		11-09-2000	CV Pháp chế			
22	PC1062	Phan Thị Thu Hà		27-12-1998	CV Pháp chế			
23	PC1063	Trần Thị Thanh Hà		01-04-2001	CV Pháp chế			
24	PC1064	Võ Thị Việt Hà		13-03-1999	CV Pháp chế			
25	PC1065	Vũ Thu Hà		26-10-1999	CV Pháp chế			
26	PC1066	Phạm Thu Hằng		09-11-2000	CV Pháp chế			
27	PC1067	Ngô Mai Hạnh		10-08-2001	CV Pháp chế			
28	PC1068	Nguyễn Hồng Hạnh		26-01-1997	CV Pháp chế			
29	PC1069	Nguyễn Hồng Hạnh		13-05-2000	CV Pháp chế			
30	PC1070	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		11-10-1999	CV Pháp chế			
31	PC1071	Nguyễn Thị Hào		08-01-1986	CV Pháp chế	Cử nhân ngoại ngữ		
32	PC1072	Lê Thị Hiền		10-04-1998	CV Pháp chế			
33	PC1073	Nguyễn Thảo Hiền		19-01-2000	CV Pháp chế			
34	PC1074	Mai Ngọc Hiếu	16-02-2000		CV Pháp chế			
35	PC1075	Nguyễn Trung Hiếu	08-06-1996		CV Pháp chế			
36	PC1076	Phạm Xuân Hoà	20-12-1992		CV Pháp chế		Con bệnh binh 2/3	
37	PC1077	Phạm Việt Hòa	29-08-1998		CV Pháp chế			
38	PC1078	Hà Duy Hoan	13-07-1987		CV Pháp chế			
39	PC1079	Trần Thị Ánh Hồng		17-10-1993	CV Pháp chế			
40	PC1080	Vũ Thị Hồng		24-04-1999	CV Pháp chế			



11



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG NĂM 2023

Phòng thi số 03; Vị trí dự thi: Chuyên viên Tổng hợp; Chuyên viên Tổ chức cán bộ
 Địa điểm: Phòng T304 nhà B2 - Trung tâm Công nghệ Thông tin - Học viện Ngân hàng
 Thời gian: Ca thi 1, từ 07h30 - 09h30 ngày 30/11/2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	TH1001	Đỗ Lê Thu An		21-09-2001	CV Tổng hợp			
2	TH1002	Mai Đỗ Việt Anh	28-12-2001		CV Tổng hợp			
3	TH1003	Tạ Duy Anh	12-10-1999		CV Tổng hợp	Bảng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
4	TH1004	Kiều Xuân An Dũng	19-09-2000		CV Tổng hợp	Bảng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
5	TH1005	Phạm Hương Giang		11-10-2000	CV Tổng hợp	Bảng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
6	TH1006	Nguyễn Thanh Hải	07-10-1997		CV Tổng hợp			
7	TH1007	Lê Thu Hương		07-05-1983	CV Tổng hợp			
8	TH1008	Lê Thanh Huyền		22-05-2001	CV Tổng hợp			
9	TH1009	Ong Thị Khánh Huyền		19-11-1998	CV Tổng hợp			
10	TH1010	Phạm Thị Huyền		08-01-1996	CV Tổng hợp			
11	TH1011	Phạm Thị Khánh Huyền		12-09-2000	CV Tổng hợp			
12	TH1012	Trịnh Ngọc Huyền		10-12-1992	CV Tổng hợp			
13	TH1013	Đặng Thùy Linh		15-08-1997	CV Tổng hợp			
14	TH1014	Nguyễn Khắc Thuỳ Linh		26-07-2001	CV Tổng hợp			
15	TH1015	Lê Thị Loan		24-12-1991	CV Tổng hợp			
16	TH1016	Nguyễn Thị Ngọc Mai		03-11-1992	CV Tổng hợp			
17	TH1017	Trần Thị Thanh Mai		22-03-2000	CV Tổng hợp			
18	TH1018	Đỗ Thị Nguyệt Minh		16-12-2001	CV Tổng hợp		DT Tày	



STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
19	TH1019	Lê Khánh	Nghĩa	06-05-2001		CV Tổng hợp			
20	TH1020	Ngô Lan	Phương		19-12-2001	CV Tổng hợp			
21	TH1021	Nguyễn Thị Quỳnh	Phương		13-04-1997	CV Tổng hợp			
22	TH1022	Phạm Thị Diễm	Phương		30-10-1994	CV Tổng hợp			
23	TH1023	Lê Minh	Tâm	28-10-2001		CV Tổng hợp			
24	TH1024	Nguyễn Thị	Thanh		11-03-2001	CV Tổng hợp			
25	TH1025	Nhâm Hoàng	Thảo		09-09-1986	CV Tổng hợp			
26	TH1026	Trần Nguyệt	Thư		19-11-1989	CV Tổng hợp			
27	TH1027	Nguyễn Thị Huyền	Trang		12-07-1991	CV Tổng hợp			
28	TH1028	Võ Thuỳ	Trang		05-02-1995	CV Tổng hợp			
29	TCCB1001	Kiều Tuấn	Anh	14-01-2001		CV TCCB			
30	TCCB1002	Nguyễn Phương	Anh		26-08-1998	CV TCCB			
31	TCCB1003	Nguyễn Thị Lan	Anh		04-12-2000	CV TCCB			
32	TCCB1004	Nguyễn Việt	Anh	28-09-1999		CV TCCB			
33	TCCB1005	Phan Tường	Anh		12-10-2001	CV TCCB			
34	TCCB1006	Tạ Duy	Anh	12-10-1999		CV TCCB	Bằng ĐH do CSDT nước ngoài cấp		
35	TCCB1007	Vũ Mai	Anh		28-05-1998	CV TCCB			
36	TCCB1008	Dương Thị	Châu		10-01-1997	CV TCCB			



2



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG NĂM 2023**

Phòng thi số 04; Vị trí dự thi: Chuyên viên Pháp chế

Địa điểm: Phòng T403 nhà B2 - Trung tâm Công nghệ Thông tin - Học viện Ngân hàng

Thời gian: Ca thi 1, từ 07h30 - 09h30 ngày 30/11/2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	PC1081	Đặng Nguyên Hùng	06-10-2001		CV Pháp chế			
2	PC1082	Phạm Đình Hùng	30-06-1998		CV Pháp chế			
3	PC1083	Vũ Quang Hưng		28-11-2000	CV Pháp chế			
4	PC1084	Đỗ Diệu Hương		03-05-1997	CV Pháp chế			
5	PC1085	Hoàng Thuý Hương		21-08-2001	CV Pháp chế		DT Tày	
6	PC1086	Nguyễn Thu Hương		19-10-1998	CV Pháp chế			
7	PC1087	Trịnh Lan Hương		29-01-1999	CV Pháp chế			
8	PC1088	Lê Thanh Hường		16-08-2000	CV Pháp chế			
9	PC1089	Nguyễn Văn Hường	01-11-1998		CV Pháp chế			
10	PC1090	Lê Nguyễn Nhật Huy		03-09-1995	CV Pháp chế			
11	PC1091	Đoàn Khánh Huyền		24-02-2001	CV Pháp chế			
12	PC1092	Đoàn Thị Ngọc Huyền		22-06-1997	CV Pháp chế	Thạc sĩ tại nước ngoài		
13	PC1093	Dương Ngọc Huyền		08-12-2000	CV Pháp chế			
14	PC1094	Lê Thị Ngọc Huyền		05-12-2000	CV Pháp chế			
15	PC1095	Nguyễn Thanh Huyền		19/8/2001	CV Pháp chế			
16	PC1096	Phạm Thu Huyền		05-12-1997	CV Pháp chế			
17	PC1097	Vũ Thảo Huyền		22-06-2001	CV Pháp chế			
18	PC1098	Chu Ngọc Khanh	27-05-2001		CV Pháp chế			



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
19	PC1099	Nguyễn Bảo Khánh		01-04-2001	CV Pháp chế			
20	PC1100	Nguyễn Lê Ngọc Khánh		22-05-2001	CV Pháp chế			
21	PC1101	Trần Văn Khương	04-11-2001		CV Pháp chế			
22	PC1102	Hoàng Trung Kiên	04-09-1997		CV Pháp chế			
23	PC1103	Vũ Nguyễn Trung Kiên	15-12-2000		CV Pháp chế			
24	PC1104	Trần Thị Thanh Lam		16-02-2001	CV Pháp chế			
25	PC1105	Nguyễn Lương Thị Lệ		05-02-2000	CV Pháp chế			
26	PC1106	Đậu Phương Linh		29-08-2001	CV Pháp chế			
27	PC1107	Đinh Thị Mỹ Linh		17-07-1994	CV Pháp chế	Học Ths tại nước ngoài		
28	PC1108	Hà Phương Linh		01-11-1999	CV Pháp chế			
29	PC1109	Hoàng Thùy Linh		23-08-2001	CV Pháp chế			
30	PC1110	Lê Mai Linh		09-08-2001	CV Pháp chế			
31	PC1111	Lê Thị Mai Linh		10-10-2001	CV Pháp chế			
32	PC1112	Nguyễn Khánh Linh		27-11-2001	CV Pháp chế			
33	PC1113	Nguyễn Phương Linh		28-09-2000	CV Pháp chế		DT Mường	
34	PC1114	Phạm Mỹ Linh		13-02-2001	CV Pháp chế			
35	PC1115	Phạm Thị Mỹ Linh		28-09-1994	CV Pháp chế	Cử nhân ngoại ngữ		
36	PC1116	Phùng Mỹ Linh		29-01-1994	CV Pháp chế			
37	PC1117	Hoàng Thị Loan		31-03-1998	CV Pháp chế			
38	PC1118	Lý Thanh Loan		11-09-1998	CV Pháp chế		DT Nùng	
39	PC1119	Đỗ Huy Lộc	08-01-2001		CV Pháp chế			
40	PC1120	Nguyễn Thị Luyện		08-08-1993	CV Pháp chế			



11



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG NĂM 2023

Phòng thi số 05; Vị trí dự thi: Chuyên viên Pháp chế

Địa điểm: Phòng T404 nhà B2 - Trung tâm Công nghệ Thông tin - Học viện Ngân hàng

Thời gian: Ca thi 1, từ 07h30 - 09h30 ngày 30/11/2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	PC1121	Hoàng Thị Quỳnh Ly		24-03-2000	CV Pháp chế			
2	PC1122	Phạm Thị Hương Ly		27-04-2001	CV Pháp chế			
3	PC1123	Trần Thị Ly		01-11-2000	CV Pháp chế			
4	PC1124	Đặng Ngọc Mai		06-04-1999	CV Pháp chế			
5	PC1125	Lê Hoàng Phương Mai		09-12-2000	CV Pháp chế			
6	PC1126	Nguyễn Thị Tuyết Mai		26-06-2000	CV Pháp chế			
7	PC1127	Trần Thị Ngọc Mai		10-11-2001	CV Pháp chế			
8	PC1128	Lê Đức Mạnh	24-12-1996		CV Pháp chế		DT Tây	
9	PC1129	Lò Văn Mạnh	30-12-2001		CV Pháp chế		DT Thái	
10	PC1130	Bùi Nhật Minh	04-10-1999		CV Pháp chế			
11	PC1131	Nguyễn Thế Minh	26-05-1999		CV Pháp chế			
12	PC1132	Phùng Xuân Minh	14-04-1999		CV Pháp chế			
13	PC1133	Trần Huệ Minh		11-10-2001	CV Pháp chế			
14	PC1134	Lê Thị Hà My		01-08-2001	CV Pháp chế			
15	PC1135	Đặng Thị Ngọc Mỹ		26-08-2001	CV Pháp chế			
16	PC1136	Lê Phương Nga		27-05-1992	CV Pháp chế			
17	PC1137	Nguyễn Hằng Nga		06-01-2001	CV Pháp chế			
18	PC1138	Phạm Thị Quỳnh Nga		30-08-1999	CV Pháp chế			



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
19	PC1139	Đỗ Thị Kim Ngân		29-09-1997	CV Pháp chế			
20	PC1140	Dương Văn Ngân	12-03-1986		CV Pháp chế			
21	PC1141	Nguyễn Kim Ngân		30-08-2001	CV Pháp chế			
22	PC1142	Nguyễn Thị Mai Ngân		03-08-2001	CV Pháp chế			
23	PC1143	Hoàng Thị Ngọc		19-10-1997	CV Pháp chế		DT Tày	
24	PC1144	Nguyễn Thị Ngọc		19-12-2001	CV Pháp chế			
25	PC1145	Trần Hoài Ngọc		18-03-2001	CV Pháp chế			
26	PC1146	Trịnh Bích Ngọc		20-12-2001	CV Pháp chế			
27	PC1147	Trần Khởi Nguyệt		13-07-2001	CV Pháp chế			
28	PC1148	Trần Thị Ánh Nguyệt		05-11-1997	CV Pháp chế			
29	PC1149	Trần Thanh Nhân		16-09-2001	CV Pháp chế			
30	PC1150	Hoàng Hà Nhi		19-11-1997	CV Pháp chế			
31	PC1151	Nguyễn Lan Nhi		15-02-2000	CV Pháp chế			
32	PC1152	Nguyễn Diệu Như		12-04-2001	CV Pháp chế			
33	PC1153	Nguyễn Hạnh Như		28-06-2001	CV Pháp chế			
34	PC1154	Nguyễn Thị Hồng Nhung		27-02-2001	CV Pháp chế			
35	PC1155	Nguyễn Thị Trang Nhung		17-01-2000	CV Pháp chế			
36	PC1156	Trần Thị Trang Nhung		25-09-2001	CV Pháp chế			
37	PC1157	Đinh Thành Phát	13-01-1997		CV Pháp chế			
38	PC1158	Đỗ Thu Phương		03-01-1999	CV Pháp chế			
39	PC1159	Lê Hoài Phương		18-04-1994	CV Pháp chế			
40	PC1160	Nguyễn Như Phương		31-05-2001	CV Pháp chế			



Handwritten signature or mark.



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG NĂM 2023

Phòng thi số 06; Vị trí dự thi: Chuyên viên Pháp chế

Địa điểm: Phòng T503 nhà B2 - Trung tâm Công nghệ Thông tin - Học viện Ngân hàng

Thời gian: Ca thi 1, từ 07h30 - 09h30 ngày 30/11/2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	PC1161	Nguyễn Thị Minh Phương		23-10-2000	CV Pháp chế			
2	PC1162	Nguyễn Thị Thu Phương		20-03-1984	CV Pháp chế			
3	PC1163	Nguyễn Thu Phương		26-03-2000	CV Pháp chế			
4	PC1164	Tạ Hà Minh Phương		04-07-2001	CV Pháp chế			
5	PC1165	Tạ Thị Lan Phương		10-09-1992	CV Pháp chế			
6	PC1166	Trần Hà Phương		23-06-2001	CV Pháp chế			
7	PC1167	Lã Tuấn Anh Quân	25-10-1995		CV Pháp chế		Con liệt sĩ	
8	PC1168	Lê Đình Quang	05-04-2000		CV Pháp chế			
9	PC1169	Nguyễn Thanh Quý		15-08-1994	CV Pháp chế	Học Ths tại nước ngoài		
10	PC1170	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh		15-10-2000	CV Pháp chế			
11	PC1171	Hoàng Thái Thanh Tâm		14-11-1999	CV Pháp chế			
12	PC1172	Nguyễn Minh Tâm		05-10-1999	CV Pháp chế			
13	PC1173	Nguyễn Phương Thanh		07-11-2001	CV Pháp chế			
14	PC1174	Phạm Đức Thanh	02-09-1984		CV Pháp chế			
15	PC1175	Tổng Thị Diệu Thanh		21-02-2001	CV Pháp chế			
16	PC1176	Lê Tuấn Thành	17-03-1998		CV Pháp chế			
17	PC1177	Ngô Thị Phương Thảo		08-05-1999	CV Pháp chế			
18	PC1178	Nguyễn Phương Thảo		15-10-1999	CV Pháp chế			



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
19	PC1179	Nguyễn Thị Phương Thảo		05-07-2000	CV Pháp chế			
20	PC1180	Trần Bích Thảo		19-11-2000	CV Pháp chế			
21	PC1181	Trần Huyền Thảo		14-11-1998	CV Pháp chế			
22	PC1182	Trần Phương Thảo		24-09-1996	CV Pháp chế			
23	PC1183	Trần Thanh Thảo		07-01-2001	CV Pháp chế			
24	PC1184	Vũ Thương Thảo		11-03-2001	CV Pháp chế			
25	PC1185	Nguyễn Ngọc Anh Thi		04-11-1999	CV Pháp chế			
26	PC1186	Hoàng Thị Hoài Thu		18-12-2001	CV Pháp chế			
27	PC1187	Hoàng Thị Thuần		09-06-1998	CV Pháp chế		DT Cao Lan	
28	PC1188	Dương Tiến Thuận	12-12-2000		CV Pháp chế			
29	PC1189	Nguyễn Song Thương		18-10-2001	CV Pháp chế			
30	PC1190	Hoàng Thị Thùy		26-03-1995	CV Pháp chế			
31	PC1191	Vũ Thị Thùy		08-12-1996	CV Pháp chế			
32	PC1192	Dương Thị Thu Thùy		26-07-1996	CV Pháp chế		DT Tây	
33	PC1193	Ngô Thanh Thùy		03-08-1996	CV Pháp chế			
34	PC1194	Nguyễn Lệ Thùy		20-08-1991	CV Pháp chế			
35	PC1195	Nguyễn Thu Thùy		29-10-1998	CV Pháp chế			
36	PC1196	Phan Thị Thu Thùy		11-02-1995	CV Pháp chế			
37	PC1197	Vũ Thị Thùy		21-06-1998	CV Pháp chế			
38	PC1198	Nguyễn Tiến Tiến	07-07-1996		CV Pháp chế			
39	PC1199	Trần Việt Tiến	03-09-1995		CV Pháp chế		Nghĩa vụ Công an	
40	PC1200	Phùng Khánh Toàn	12-11-1999		CV Pháp chế			



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG NĂM 2023

Phòng thi số 07; Vị trí dự thi: Chuyên viên Pháp chế; Chuyên viên Hợp tác quốc tế
 Địa điểm: Phòng T504 nhà B2 - Trung tâm Công nghệ Thông tin - Học viện Ngân hàng
 Thời gian: Ca thi 1, từ 07h30 - 09h30 ngày 30/11/2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	PC1201	Mai Thị Trà		20-12-2000	CV Pháp chế			
2	PC1202	Diệp Ngọc Kiều Trân		08-04-1995	CV Pháp chế			
3	PC1203	Đỗ Thị Hồng Trang		17-05-2001	CV Pháp chế			
4	PC1204	Đỗ Thu Trang		17-02-2000	CV Pháp chế			
5	PC1205	Nguyễn Linh Trang		14-12-2000	CV Pháp chế			
6	PC1206	Nguyễn Thu Trang		18-10-2001	CV Pháp chế			
7	PC1207	Nguyễn Thu Trang		21-03-2000	CV Pháp chế			
8	PC1208	Tạ Ngọc Mai Trang		12-03-2000	CV Pháp chế			
9	PC1209	Trần Thu Trang		24-11-2001	CV Pháp chế			
10	PC1210	Vũ Thị Thu Trang		05-09-1998	CV Pháp chế			
11	PC1211	Phạm Việt Trinh		26-11-1993	CV Pháp chế			
12	PC1212	Phạm Việt Trinh		29-08-1997	CV Pháp chế			
13	PC1213	Đỗ Gia Trung	07-01-2001		CV Pháp chế			
14	PC1214	Nguyễn Anh Tú	06-10-1993		CV Pháp chế			
15	PC1215	Nguyễn Văn Tùng	05-07-1990		CV Pháp chế			
16	PC1216	Chu Thảo Vân		21-08-2001	CV Pháp chế			
17	PC1217	Ngô Thị Thu Vân		08-02-1999	CV Pháp chế			
18	PC1218	Trần Thanh Vân		07-01-1999	CV Pháp chế			

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
19	PC1219	Lê Vi		23-06-1999	CV Pháp chế			
20	PC1220	Lâm Kiều Ý		10-05-1999	CV Pháp chế			
21	HTQT1001	Trần Thùy Dương		20-07-1998	CV HTQT			
22	HTQT1002	Trần Thanh Hằng		30-12-1998	CV HTQT	Học Thạc sĩ tại nước ngoài		
23	HTQT1003	Nguyễn Duy Hiếu	13-11-1989		CV HTQT	Học Thạc sĩ tại nước ngoài		
24	HTQT1004	Lê Thị Lan Hương		21-10-1997	CV HTQT			
25	HTQT1005	Đinh Thị Thu Huyền		31-08-2000	CV HTQT		Con thương bình	
26	HTQT1006	Đào Phương Linh		05-10-1997	CV HTQT		Con bệnh binh	
27	HTQT1007	Nguyễn Mạnh Linh	25-01-1996		CV HTQT	Học ĐH tại nước ngoài		
28	HTQT1008	Trần Thùy Linh		02-03-2002	CV HTQT			
29	HTQT1009	Vũ Viết Yến Linh		04-12-2001	CV HTQT			
30	HTQT1010	Nguyễn Hải Long	04-10-1994		CV HTQT	Học ĐH tại nước ngoài		
31	HTQT1011	Trần Tuyết Mai		25-02-1999	CV HTQT			
32	HTQT1012	Nguyễn Nguyệt Minh		03-01-1997	CV HTQT			
33	HTQT1013	Trần Phương Ngọc		25-12-2001	CV HTQT			
34	HTQT1014	Nguyễn Thị Kim Như		26-08-1988	CV HTQT			
35	HTQT1015	Phạm Trang Nhung		02-04-2001	CV HTQT			
36	HTQT1016	Nguyễn Thu Thảo		12-11-2001	CV HTQT			
37	HTQT1017	Lê Thị Thu		25-07-2000	CV HTQT			





NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG NĂM 2023**

Phòng thi số 08; Vị trí dự thi: Chuyên viên Tổ chức cán bộ
Địa điểm: Phòng 105 nhà D1 - Hội trường lớn - Học viện Ngân hàng
Thời gian: Ca thi 1, từ 07h30 - 09h30 ngày 30/11/2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	TCCB1009	Nguyễn Minh Châu		22-12-1997	CV TCCB			
2	TCCB1010	Lê Linh Chi		03-09-1996	CV TCCB			
3	TCCB1011	Nguyễn Linh Chi		17-09-2001	CV TCCB			
4	TCCB1012	Phạm văn Đồng	11-01-1982		CV TCCB			
5	TCCB1013	Lê Văn Đức	19-05-1999		CV TCCB			
6	TCCB1014	Cần Thị Phương Dung		08-09-1996	CV TCCB		DT Tây	
7	TCCB1015	Vũ Văn Dũng	03-12-1991		CV TCCB	Cử nhân ngoại ngữ		
8	TCCB1016	Đình Quang Duy	17-12-1998		CV TCCB			
9	TCCB1017	Thân Hoàng Duy	01-09-2001		CV TCCB			
10	TCCB1018	Mai Lê Mỹ Duyên		20-09-1998	CV TCCB			
11	TCCB1019	Nguyễn Hồng Giang	15-06-2000		CV TCCB			
12	TCCB1020	Phạm Hương Giang		02-11-1999	CV TCCB			
13	TCCB1021	Trần Thuý Giang		12-06-1999	CV TCCB			
14	TCCB1022	Nguyễn Ngọc Hà	20-04-1995		CV TCCB	Cử nhân ngoại ngữ		
15	TCCB1023	Phạm Thu Hà		17-10-1998	CV TCCB			
16	TCCB1024	Trần Văn Hải	16-03-1999		CV TCCB			
17	TCCB1025	Vũ Xuân Hân	11-09-1984		CV TCCB	Cử nhân ngoại ngữ		
18	TCCB1026	Hà Thị Thanh Hiền		13/3/2000	CV TCCB			
19	TCCB1027	Đỗ Tiến Hiệp	18-04-1998		CV TCCB			



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
20	TCCB1028	Nguyễn Văn Huấn	20-09-2000		CV TCCB			
21	TCCB1029	Dương Thị Thanh Hương		30-07-2000	CV TCCB		DT Sản Dìu	
22	TCCB1030	Nguyễn Thị Hương		15-04-1994	CV TCCB			
23	TCCB1031	Vũ Lan Hương		07-03-1996	CV TCCB			
24	TCCB1032	Nguyễn Nhật Huy	08-02-1997		CV TCCB		H.thành nghĩa vụ CAND	
25	TCCB1033	Ngô Khánh Huyền		26-03-1999	CV TCCB			
26	TCCB1034	Phùng Thị Thanh Huyền		22-04-1997	CV TCCB			
27	TCCB1035	Bùi Quốc Khải	17-02-1998		CV TCCB			
28	TCCB1036	Phan Khuyên	25-05-1993		CV TCCB	Cử nhân ngoại ngữ		
29	TCCB1037	Bùi Thị Phương Linh		24-10-2001	CV TCCB			
30	TCCB1038	Hoàng Thuý Linh		18-02-1992	CV TCCB			
31	TCCB1039	Nguyễn Thị Mỹ Linh		07-3-1994	CV TCCB			
32	TCCB1040	Nguyễn Thùy Linh		20-03-1992	CV TCCB			
33	TCCB1041	Phạm Thị Khánh Linh		12-04-2001	CV TCCB			
34	TCCB1042	Trần Thị Ngọc Mai		20-10-1995	CV TCCB			
35	TCCB1043	Trần Thị Thanh Mai		22-03-2000	CV TCCB			
36	TCCB1044	Ngô Ngọc Minh	04-02-1998		CV TCCB		Con TB 4/4	
37	TCCB1045	Nguyễn Đức Minh	13-06-1986		CV TCCB			
38	TCCB1046	Nguyễn Hải Minh	16-01-1989		CV TCCB			



11



**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG NĂM 2023**

Phòng thi số 09; Vị trí dự thi: Chuyên viên Tổ chức cán bộ
Địa điểm: Phòng 205 nhà D1 - Hội trường lớn - Học viện Ngân hàng
Thời gian: Ca thi 1, từ 07h30 - 09h30 ngày 30/11/2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1	TCCB1047	Trần Huệ Minh		11-10-2001	CV TCCB			
2	TCCB1048	Bàn Thị Nái		08-08-2000	CV TCCB		DT Dao	
3	TCCB1049	Đỗ Thị Nga		01-04-2000	CV TCCB			
4	TCCB1050	Phạm Thị Hạnh Ngân		28-03-1997	CV TCCB			
5	TCCB1051	Phạm Mai Nguyệt		23-11-1999	CV TCCB			
6	TCCB1052	Nguyễn Thị Yến Nhi		07-12-2000	CV TCCB			
7	TCCB1053	Nguyễn Trần Yến Nhi		18-07-2000	CV TCCB			
8	TCCB1054	Nguyễn Thị Hồng Nhung		07-09-1991	CV TCCB			
9	TCCB1055	Nguyễn Thụy Út Ny		06-08-1993	CV TCCB			
10	TCCB1056	Trần Thị Oanh		28-10-1998	CV TCCB			
11	TCCB1057	Nguyễn Ngọc Phú	30-04-1996		CV TCCB			
12	TCCB1058	Phạm Thị Hoài Phương		28-09-1997	CV TCCB		Con TB 1/4	
13	TCCB1059	Vũ Hà Phương		05-04-2001	CV TCCB			
14	TCCB1060	Vũ Mai Phương		30-01-1997	CV TCCB			
15	TCCB1061	Đỗ Thị Phương		11-06-2000	CV TCCB			
16	TCCB1062	Dương Thị Phương		02-08-1999	CV TCCB			
17	TCCB1063	Lê Thị Quyên		30-08-1994	CV TCCB			
18	TCCB1064	Nguyễn Văn Quyết	21-01-1989		CV TCCB			
19	TCCB1065	Phùng Thị Tâm		03-03-1996	CV TCCB		Con bệnh binh	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
20	TCCB1066	Trần Thị Tâm		10-03-1993	CV TCCB			
21	TCCB1067	Nguyễn Quang Thắng	30-09-2001		CV TCCB			
22	TCCB1068	Nguyễn Hoài Thanh		11/3/1995	CV TCCB			
23	TCCB1069	Nguyễn Thị Hồng Thu		02-01-1997	CV TCCB			
24	TCCB1070	Nguyễn Ngọc Trâm		13-06-1994	CV TCCB			
25	TCCB1071	Lê Hiền Trang		26-08-2001	CV TCCB			
26	TCCB1072	Phùng Ngọc Trang		16-09-1998	CV TCCB			
27	TCCB1073	Phùng Đức Trung	12-04-1999		CV TCCB			
28	TCCB1074	Nguyễn Tuấn Tú	20-07-1998		CV TCCB			
29	TCCB1075	Tạ Hữu Tuấn	19-09-1998		CV TCCB			
30	TCCB1076	Trần Minh Tuấn	06-09-2001		CV TCCB			
31	TCCB1077	Lê Thanh Tùng	20-07-2001		CV TCCB			
32	TCCB1078	Đỗ Văn Tuyển	08-04-1998		CV TCCB			
33	TCCB1079	Trần Thị Tuyết		18-02-1999	CV TCCB			
34	TCCB1080	Vũ Thị Hồng Vi		19-07-2001	CV TCCB			
35	TCCB1081	Tạ Văn Vĩnh	18-09-1986		CV TCCB			
36	TCCB1082	Tạ Minh Vũ	14-12-1994		CV TCCB			
37	TCCB1083	Phạm Đình Vương	08-06-1995		CV TCCB			
38	TCCB1084	Đinh Hải Yến		24-10-1997	CV TCCB			



16